

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, KHÁNH HÒA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lê**
Các hội thẩm nhân dân : Bà **Thái Thị Mỹ**
Ông **Trần Trục**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hoa** - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Thanh Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tiến hành xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm
2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh V (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1966; nơi đăng ký nhân khẩu
thường trú: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở: Tổ dân phố B, thị trấn
Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông
Nguyễn Văn T, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941; vợ bà Lê Thị X
sinh năm 1969; có 01 con sinh năm 1991; tiền sự: không; tiền án: 03 tiền án (- Ngày
18/10/1988, TAND tỉnh Thuận Hải (nay là tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận) xử phạt
05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của
công dân”, - Ngày 09/01/1990, TAND tỉnh Thuận Hải xử phạt 07 năm 11 tháng 26
ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” và “Trốn khỏi nơi giam”, -
Ngày 29/8/1994, Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt
chung thân về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, “Tiêu thụ tài sản
do người khác phạm tội mà có” và “Trốn khỏi nơi giam”, chấp hành xong vào ngày
27/4/2013); nhân thân: - Ngày 25/10/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an
huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ngày
09/5/2017, TAND huyện C xét xử 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại
bản án số 12/2017/HS-ST; bị bắt tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ
Công an huyện C; có mặt.

Người bị hại: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện D, Khánh Hòa; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Thái Trà M**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện D, Khánh Hòa; vắng mặt.

NHÂN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố về hành vi như sau:

Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Ngọc H có mối quan hệ bạn bè. Khoảng đầu
tháng 10/2016, bà H có hỏi V nhờ người mua chiếc xe Future biển kiểm soát 79D1 -
189.61 của con gái bà H là Bùi Thái Trà M, V đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày
27/10/2016, V đem theo 14.000.000đ đi cùng một người phụ nữ tên L (không xác

định nhân thân lai lịch) đến nhà bà H để chơi và mua xe, hai bên thỏa thuận mua bán với giá 22.000.000đ. V nói không đủ tiền và rủ bà H cùng đi rút tiền để thanh toán, bà H đồng ý và đưa chứng minh photo của M, giấy đăng ký xe, chìa khóa xe mô tô 79D1- 189.61 cho V giữ. V điều khiển xe mô tô chở bà H đến quán cà phê Hỷ Lâm Viên, ngồi chơi để kiểm tra xe, trong lúc bà H đang nghỉ tại quán cà phê thì V lấy xe mô tô trên chạy đi kiểm tra xe (tại khu vực cây Dầu đôi xã A). Tại đây, do đang cần tiền trả nợ nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 79D1 - 189.61. V đem xe bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 06/11/2016 thì bị bắt giữ cùng xe mô tô 79D1 - 189.61 khi V đang sử dụng.

Tại bản kết luận định giá về tài sản số 07 ngày 16/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận xe mô tô 79D1 - 189.61 có trị giá là 25.600.000đ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D, Nguyễn Anh V đã khai nhận hành vi phạm tội trên. Chị Bùi Thái Trà M đã nhận lại xe mô tô 79D1 - 189.61 và yêu cầu bồi thường số tiền sửa chữa xe bị hư hỏng là 4.921.000đ.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 10/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V từ 03 đến 04 năm tù; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo V phải bồi thường cho chị Bùi Thái Trà M số tiền 4.921.000đ; về án phí: Bị cáo V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Anh V tại phiên tòa sơ thẩm, đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì muốn có xe để làm phương tiện đi lại, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng từ phía bà Nguyễn Thị Ngọc H, sau khi thỏa thuận với bà H về việc mua bán chiếc xe mô tô biên kiểm soát 79D1 - 189.61, được bà H giao xe và toàn bộ giấy tờ đăng ký xe đứng tên chị Bùi Thái Trà M, bị cáo đã bỏ trốn với mục đích chiếm đoạt xe mô tô trên của bà H. Bản thân bị cáo có tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Trốn khỏi nơi giam” nhưng vẫn chưa xóa án tích nên hành vi phạm tội trên của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều luật nêu trên là có căn cứ.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Anh V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và làm mất lòng tin trong nhân dân. Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản của

bà H, cũng trong thời gian tháng 10/2016, bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại huyện C và bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 năm tù vào ngày 09/5/2017. Điều này, cho thấy bị cáo rất ngoan cố, không sửa chữa, tu dưỡng bản thân, lo làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật, kỷ cương của Nhà nước. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại (bà Nguyễn Thị Ngọc H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Bùi Thái Trà M) vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn xin xét xử vắng mặt và tại hồ sơ vụ án, bà H không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự đối với bị cáo V, do đó Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này bà H có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác; riêng chị M yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền do sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 79D1 - 189.61 bị hư hỏng là 4.921.000đ, tại phiên tòa bị cáo V đồng ý bồi thường số tiền trên cho chị M nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này, buộc bị cáo V phải bồi thường cho chị M số tiền 4.921.000đ.

- Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho chị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Anh V (Tèo) **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh V phải bồi thường cho chị Bùi Thái Trà M số tiền 4.921.000đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng*).

Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H, tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi nào bà H có yêu cầu.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

- Bị cáo Nguyễn Anh V phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,*

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Ngọc H, chị Bùi Thái Trà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Bị cáo; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ